

Bản án số: 129/2017/HS-ST
Ngày: 23- 9- 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Xuân Thìn

Ông Nguyễn Hữu Đệ

-Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Duy Khoa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 137/2017/HSST ngày 08/9/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/QĐXXST-HS ngày 11/9/2017 đối với các bị cáo:

1/**NGUYỄN VĂN KH**, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1993. Nơi cư trú: Thôn TL, DT, ML, Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Kh và bà Nguyễn Thị Nh; có vợ là Nguyễn Thị Thùy D (sống với nhau không có đăng ký kết hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; Danh chỉ bản số 253 ngày 17/4/2017 của Công an huyện ĐA; Tiền án: Tháng 12/2015 bị TAND huyện ML xử phạt 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/01/2017 (chưa được xóa án tích); Nhân thân: Tháng 01/2014 bị Công An huyện ML xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản (trộm chó); Bị bắt tạm giữ ngày 13/4/2017 đến ngày 22/4/2017, tạm giam từ ngày 22/4/2017 đến nay.

Có mặt tại phiên tòa

2/ **NGUYỄN THỊ THÙY D**, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1996. Nơi cư trú: Thôn AH, ML, ML, Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12;

dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Duy S và bà Nguyễn Thị Th; có chồng là Nguyễn Văn Kh (sống với nhau không có đăng ký kết hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; Danh chỉ bản số 265 ngày 19/4/2017 của Công an huyện ĐA; Tiền án, tiền sự: Không; Đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa

*** Người bị hại:** Chị **Nguyễn Thị Q**, sinh năm: 1988,

Nơi cư trú: Thôn H, PX, YTh, Bắc Giang.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/3/2017 chị Nguyễn Thị Q (sinh năm 1988, HKTT: Thôn H, PX, YTh, Bắc Giang) có đơn trình báo Cơ quan Công an về việc: Khoảng 20h00 ngày 18/3/2017 chị đang đi bộ trên đường 23B thuộc Thôn Đ, NH, ĐA, Hà Nội thì bị hai đối tượng đi xe máy áp sát cướp giật 01 chiếc điện thoại di động OPPO F1S màu trắng chị cầm trên tay.

Căn cứ vào đơn trình báo của bị hại, Cơ quan điều tra Công An huyện ĐA đã tiến hành điều tra xác minh, thông tin đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an Thành phố Hà Nội để phối hợp điều tra. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an Thành phố Hà Nội đã rà soát làm rõ Nguyễn Văn Kh (sinh năm 1993, HKTT:Thôn TL, ĐT, ML, Hà Nội) và Nguyễn Thị Thùy Dương (sinh năm 1996, HKTT:Thôn AH, ML, ML, Hà Nội) là người đã thực hiện hành vi Cướp giật chiếc điện thoại di động của chị Q. Ngày 13/4/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an Thành phố Hà Nội ra lệnh bắt khẩn cấp Nguyễn Văn Kh để điều tra, xử lý. Đối với Nguyễn Thị Thùy D do đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên được tại ngoại.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện ĐA đã làm rõ: Nguyễn Văn Kh và Nguyễn Thị Thùy D chung sống với nhau như vợ chồng (không đăng ký kết hôn) từ năm 2011 và đã có 02 con chung. Khoảng 19h30 ngày 18/3/2017, Nguyễn Văn Kh điều khiển xe máy Honda Airblade màu đỏ đen, BKS: 29P1- 46213, số khung 725193, số máy 7525211 chở Nguyễn Thị Thùy D trên đường 23B hướng từ xã TP, ML, Hà Nội đi ngã tư biển thể ĐA. Đến đoạn thuộc thôn Đ, NH, ĐA, Hà Nội bị can D phát hiện chị Nguyễn Thị Q đi bộ ven đường đang sử dụng điện thoại trên tay trái, D nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại. Đi qua chị Q khoảng 200m, bị can D bảo bị can Kh “Chị ý dùng điện thoại kia, giật

đi”. Kh điều khiển xe máy quay lại đi từ phía sau áp sát bên trái chị Q, D ngồi sau dùng tay phải giật được chiếc điện thoại OPPO vỏ màu trắng của chị Q. Chị Q hô “cướp, cướp”, D nói với Kh “đi, đi”. Bị can Kh tăng tốc phóng xe tẩu thoát về đường Võ Văn Kiệt qua xã KC rồi về nhà Kh. Tại phòng ngủ của vợ chồng, D lấy điện thoại chiếm đoạt được của chị Q ra tháo 02 sim số 0975686994 và 0898257333 rút đi rồi lắp sim 0961212130 của D vào để sử dụng, nhưng do điện thoại cài đặt mật khẩu nên không sử dụng được.

Khoảng 2- 3 ngày sau bị can D mang điện thoại Oppo ra cửa hiệu sửa chữa điện thoại “H mobil” của chị Nguyễn Thị H (sinh năm: 1989, trú tại: thôn TL, ĐT, ML, Hà Nội) gần ngã ba thôn TL, ĐT, ML, Hà Nội nhờ phá mở mật khẩu và sử dụng cho đến khi bị Công an Thành phố Hà Nội phát hiện thu giữ.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ vật chứng liên quan:

- Thu giữ của Nguyễn Văn Kh: 01 chiếc xe máy Honda Airblade màu đen đỏ, BKS: 29P1-462 13, số khung 725193, số máy 7525211; 01 điện thoại di động Samsung vỏ màu trắng số Imeil 1: 353415082155921, số Imeil2: 353415082155923.

- Thu giữ của Nguyễn Thị Thùy D: 01 chiếc điện thoại Oppo màu trắng, số Imeil1: 863069037835098, số Imeil2: 863069037835080.

Ngày 10/4/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện ĐA kết luận: tài sản chị Nguyễn Thị Q bị chiếm đoạt là 4.100.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra bị can Nguyễn Thị Thùy D khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được. Riêng bị can Nguyễn Văn Kh không khai nhận hành vi phạm tội. Nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như: Lời khai của bị can D (đồng phạm) khẳng định: Khi bị can D phát hiện bị hại sử dụng điện thoại và nảy sinh ý định cướp giật thì xe do bị can Kh đã vượt qua bị hại khoảng 200m, D bảo Kh vòng xe quay lại, Kh đồng ý và điều khiển xe quay lại áp sát bị hại thì D mới cướp giật được. Đồng thời các lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ có đủ căn cứ chứng minh bị can Kh phạm tội Cướp giật tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự.

Đối với chiếc xe máy Airblade màu đỏ đen BKS: 29P1- 462 13, số khung 725193, số máy 7525211, chủ đăng ký xe tên Vũ Thị L.A (sinh năm 1980, HKTT: Tập thể xí nghiệp vận tải Cụm dân cư T X, Phường XD, BTL, Hà Nội). Anh Phạm Công Th (sinh năm: 1980, trú tại: Tổ dân phố TN, TP, BTL, Hà Nội là chồng chị L.A) trình bày chiếc xe máy anh chị mua từ năm 2015, tháng 11/2016 bị kẻ gian trộm cắp chị L.A đã trình báo Công an phường TP, BTL, Hà Nội. Đối với biển kiểm soát 29P1 – 462.13, số khung 4619E140559, số máy JF46E6065890 thuộc xe có chủ sở hữu là anh Trần Hoàng L (sinh năm: 1988; HKTT: F16 T43, Phường

YH, quận C G, Hà Nội). Ngày 24/12/2016 anh L bị kẻ gian trộm cắp, anh L đã trình báo Công an phường Đ, BTL, Hà Nội. Quá trình điều tra bị can Kh trình bày là mượn của bạn tên T (sinh năm: 1989; HKTT: TV, ML, Hà Nội) từ tháng 01/2017. Cơ quan điều tra đã xác minh tại xã TV, ML, Hà Nội không có ai tên T có đặc điểm giống như bị can Kh khai báo nên chưa xác định được tên tuổi, địa chỉ của đối tượng. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được chưa đủ cơ sở chứng minh bị can Kh phạm tội trộm cắp nên không đề cập xử lý. Xét đây là vật chứng trong vụ án khác Cơ quan điều tra đã tách rút tài liệu và bàn giao cho Công an quận BTL để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với chiếc điện thoại Samsung vỏ màu trắng số Imeil: 353415082155921; 353415082155923 bị can Nguyễn Văn Kh khai mua tại cửa hàng điện thoại “CT”, chủ cửa hàng tên Hà Quý C (sinh năm: 1978, trú tại: Thôn TL, ĐT, ML, Hà Nội) nhưng anh C xác định không bán cho bị can Kh chiếc điện thoại Samsung loại máy Smart Phone trong năm 2017. Vì vậy Cơ quan điều tra tách rút vật chứng ra thông báo gửi các phòng nghiệp vụ, Công an các quận, huyện, thị xã thuộc Công an Thành phố Hà Nội tiếp tục xác minh.

Đối với 02 sim số 0975686994 và 0898257333 bị can D tháo ra từ điện thoại của chị Q vứt đi, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được; Đối với chiếc điện thoại Oppo FS1 vỏ màu trắng số Imeil1: 863069037835098, số Imeil2: 863069037835080. Ngày 27/7/2017 Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho chị Q, sau khi nhận lại tài sản chị Q không đề nghị bồi thường dân sự và đề nghị xử lý nghiêm bị can Kh và bị can D theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 129/CT-VKS ngày 06/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đã truy tố Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Thị Thùy D về tội Cướp giật tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Kết luận điều tra của Cơ quan điều tra và bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Thị Thùy D phạm tội Cướp giật tài sản.

- Áp dụng Điều 136 khoản 2 điểm d; Điều 46 khoản 1 điểm p, khoản 2; Điều 48 khoản 1 điểm g Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn Kh từ 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng Điều 136 khoản 2 điểm d; Điều 46 khoản 1 điểm p Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị Thùy D từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

- Về dân sự: Chị Q đã nhận lại tài sản bị cướp giật, không yêu cầu gì nên không phải giải quyết.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng vì các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, các bị cáo còn phải đi chấp hành hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Thị Thùy D đều thống nhất khai nhận: Khoảng 19h30 ngày 18/3/2017 bị cáo Kh điều khiển xe máy Honda Airblade màu đỏ đen, BKS: 29P1- 46213, chở bị cáo D đi trên đường 23B hướng từ xã TP, ML, Hà Nội đi ngã tư biến thể Đ.A. Đến đoạn đường thuộc thôn Đ, NH, Đ.A, Hà Nội bị cáo D phát hiện chị phụ nữ đi bộ ven đường đang sử dụng điện thoại trên tay trái, bị cáo bảo Kh “Chị ý dùng điện thoại kia, giật đi”. Khi đó xe của các bị cáo đã đi qua chị phụ nữ khoảng 200m, bị cáo Kh điều khiển xe máy quay lại đi chậm từ phía sau, áp sát bên trái chị phụ nữ, bị cáo D dùng tay phải giật điện thoại. Sau khi giật được chiếc điện thoại bị cáo D nói với bị cáo Kh “giật được rồi, đi đi” thì Kh tăng tốc phóng xe tẩu thoát. Đến ngày 12/4/2017 thì các bị cáo bị Công an Thành phố Hà Nội bắt giữ, nhưng do nuôi con nhỏ nên bị cáo D được tại ngoại, bị cáo Kh bị giam giữ. Riêng bị cáo Khắc thấy ăn năn, hối cải vì trong thời gian điều tra đã có lời khai không đúng sự thật, nay bị cáo thành khẩn, tự nguyện khai báo để mong được sự khoan hồng của pháp luật. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung Kết luận điều tra của Cơ quan điều tra và bản Cáo trạng của Viện kiểm sát. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19h30” ngày 18/3/2017 bị cáo Nguyễn Văn Kh điều khiển xe máy Honda Airblade BKS: 29P1- 462.13 chở bị cáo Nguyễn Thị Thùy D thực hiện hành vi cướp giật 01 chiếc điện thoại di động Oppo của chị Nguyễn Thị Q tại đoạn đường 23B thuộc Thôn Đ, NH, Đ.A, Hà Nội. Tổng trị giá tài sản cướp giật là 4.100.000 đồng (*Bốn triệu một trăm nghìn đồng chẵn*). Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội Cướp giật tài sản, vi phạm điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do coi thường pháp luật nên đã cố tình phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Trong vụ án này có đồng phạm, nhưng không có tổ chức vì không có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Các bị cáo thực hiện hành vi chỉ mang tính chất nhất thời thấy có cơ hội thì nảy sinh lòng tham. Đánh giá về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo D giữ vai trò chính vì D vừa là người khởi xướng, vừa là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản của chị Q, điện thoại cướp giật được thì cũng chính D là người đi phá khóa mật khẩu và sử dụng. Bị cáo Kh tiếp nhận lời đề xuất của D và thực hiện tích cực, quay xe lại, đi chậm áp sát người bị hại để D cướp giật dễ dàng, sau khi biết D đã giật được điện thoại thì phóng xe để tẩu thoát. Vì vậy, mức hình phạt của bị cáo D sẽ cao hơn so với bị cáo Kh. Tuy nhiên, đánh giá về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Gia đình bị cáo Kh có công với cách mạng, có ông bác và bác là liệt sĩ, có bố tham gia kháng chiến. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 (đối với Kh) Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo D không có tình tiết tăng nặng nào, nhưng bị cáo Kh có tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự vì: Tháng 12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện ML xử phạt 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/01/2017 (khi phạm tội chưa được xóa án tích). Hai bị cáo mặc dù không có đăng ký kết hôn, nhưng đã chung sống như vợ chồng và có 02 con chung, vì thế áp dụng cho hai bị cáo mức hình phạt như nhau.

[2] Về những chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cơ bản phù hợp với kết quả nghị án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng về mức hình phạt của bị cáo Kh theo đề nghị của Kiểm sát viên là có phần nghiêm khắc vì tại phiên tòa bị cáo Kh đã rất ăn năn hối cải về hành vi vi phạm của mình; gia đình bị cáo cung cấp thêm tài liệu xác nhận gia đình bị cáo có công với cách mạng nên Hội đồng xét xử đã thảo luận giảm mức hình phạt của bị cáo Kh thấp hơn so với đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Đánh giá về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Mặc dù trong hồ sơ có lời khai của bị cáo Kh thể hiện bị Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội treo người

lên khi lấy lời khai, nhưng bị cáo cũng không bị thương tích gì, không có bằng chứng hay ai chứng kiến việc đó. Bị cáo cũng không có khiếu nại gì. Tại phiên tòa bị cáo Kh xác định không có ý kiến gì về vấn đề này nữa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với chiếc xe máy Airblade màu đỏ đen BKS: 29P1 – 462 13, số khung 725193, số máy 7525211 và chiếc điện thoại Samsung vỏ màu trắng số Imeil: 353415082155921; 353415082155923 Cơ quan điều tra thu giữ trong quá trình điều tra, nhưng đã tách rút vật chứng để điều tra nên Tòa án không phải xem xét.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 136 Bộ luật Hình sự các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng. Nhưng xét thấy các bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập lại còn nuôi hai con còn nhỏ nên không áp dụng hình phạt này đối với các bị cáo.

[6] Về phần dân sự: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Q đã được trả cho chị Q. Không có ai yêu cầu gì về dân sự nên Tòa án không phải xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại đều có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

-Điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự (đối với bị cáo D);

-Điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g (tái phạm) khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự (đối với bị cáo Kh);

-Điều 99; Điều 231, 234 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Thị Thùy D** phạm tội: “Cướp giật tài sản”:

Xử phạt:

Bị cáo **Nguyễn Thị Thùy D 36 (ba mươi sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo **Nguyễn Văn Kh 36 (ba mươi sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2017

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Án xử công khai, sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS huyện Đông Anh.
- Công an huyện Đông Anh.
- Chi cục THADS huyện Đông Anh
- TAND thành phố Hà Nội
- Bị cáo.
- Người tham gia tố tụng (vắng mặt).
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Oanh

